**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2025/TT-NHNN *Hà Nội, ngày tháng năm 2025*

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Bưu chính ngày 17 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt (gọi tắt là Thông tư số 15/2024/TT-NHNN)**

 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 10, Điều 3 như sau:

“10. Giấy tờ tùy thân bao gồm thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước, căn cước điện tử; đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, bao gồm hộ chiếu và thị thực nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị thay thị thực hoặc giấy tờ chứng minh được miễn thị thực nhập cảnh.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 7 như sau:

c) Việc thực hiện giao dịch nộp tiền mặt tại Ngân hàng Nhà nước Khu vực: chi nhánh tổ chức tín dụng lập Giấy nộp tiền theo mẫu quy định tại Chế độ kế toán giao nhận, điều chuyển, phát hành, thu hồi và tiêu hủy tiền mặt tại Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Khu vực căn cứ nội dung Giấy nộp tiền, lập Lệnh chuyển tiền qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng gửi *ngân hàng nhận lệnh là Trụ sở chính tổ chức tín dụng để ghi Có* vào tài khoản thanh toán của Trụ sở chính tổ chức tín dụng mở tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Khu vực đã thực hiện thủ tục nhập tiền từ chi nhánh tổ chức tín dụng nhưng hết thời gian gửi lệnh thanh toán của Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Khu vực lập Lệnh chuyển tiền qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng để gửi Trụ sở chính tổ chức tín dụng vào ngày làm việc tiếp theo”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b(i), (ii) khoản 2 Điều 14 như sau:

“(i) Khi khách hàng có nhu cầu nộp tiền mặt để yêu cầu doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích chuyển tiền cho bên thụ hưởng, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích hướng dẫn khách hàng lập mẫu chuyển tiền theo quy định của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, đảm bảo đầy đủ thông tin cần thiết của bên chuyển tiền và bên thụ hưởng, bao gồm: tên, địa chỉ của tổ chức hoặc cá nhân, số giấy tờ tùy thân, mã số doanh nghiệp (trường hợp bên chuyển tiền hoặc bên thụ hưởng là tổ chức), số điện thoại, chữ ký (của bên chuyển tiền) và các thông tin khác.

*Nếu bên chuyển tiền là cá nhân, khi chuyển tiền khách hàng phải xuất trình giấy tờ tùy thân. Trong trường hợp bên chuyển tiền là người được ủy quyền thì khách hàng phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật. Nếu bên chuyển tiền là tổ chức thì người đại diện của tổ chức khi chuyển tiền phải xuất trình giấy tờ tùy thân và giấy tờ chứng minh tư cách đại diện hợp pháp của tổ chức đó. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích có biện pháp kiểm tra, đối chiếu, xác thực thông tin, dữ liệu định danh khách hàng và lưu trữ theo quy định của pháp luật.*

Khi nhận yêu cầu chuyển tiền, nhân viên của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích có trách nhiệm kiểm soát các thông tin trên mẫu chuyển tiền. Sau khi kiểm soát, nếu chứng từ thanh toán do khách hàng lập hợp pháp, hợp lệ và số tiền khách hàng nộp khớp đúng với số tiền ghi trên lệnh chuyển tiền, nhân viên ký chứng từ, làm thủ tục chuyển tiền đi cho khách hàng. Chậm nhất trong 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được chứng từ thanh toán hợp pháp, hợp lệ của khách hàng, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phải xử lý và hoàn tất việc chuyển tiền đi cho khách hàng;

(ii) Khi nhận được lệnh chuyển tiền đến, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phục vụ bên thụ hưởng phải kiểm tra chứng từ đảm bảo hợp pháp, hợp lệ và thực hiện hạch toán ngay vào tài khoản thích hợp và thông báo cho bên thụ hưởng đến nhận tiền hoặc giao tiền tại địa chỉ bên chuyển tiền yêu cầu theo thỏa thuận; doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích có biện pháp kiểm tra, đối chiếu, xác thực thông tin, dữ liệu định danh khách hàng và lưu trữ theo quy định của pháp luật;

*Nếu bên thụ hưởng là cá nhân, khi đến nhận tiền khách hàng phải xuất trình giấy tờ tùy thân. Trong trường hợp người nhận tiền là người được ủy quyền thì người được ủy quyền xuất trình thêm văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật. Nếu bên thụ hưởng là tổ chức thì người đại diện của tổ chức đến nhận tiền phải xuất trình giấy tờ tùy thân và giấy tờ chứng minh tư cách đại diện hợp pháp của tổ chức đó. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích có biện pháp kiểm tra, đối chiếu, xác thực thông tin, dữ liệu định danh khách hàng và lưu trữ theo quy định của pháp luật.”*

4. Bổ sung khoản 3a, Điều 14 như sau:

*“3a. Căn cứ vào từng loại hình dịch vụ thu hộ, chi hộ, Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích giao kết hợp đồng/văn bản thỏa thuận với khách hàng sử dụng dịch vụ đảm bảo có các nội dung cơ bản:*

*a) Số hợp đồng/văn bản thỏa thuận;*

*b) Thời điểm (ngày, tháng, năm) lập;*

*c) Tên, địa chỉ của các bên tham gia;*

*d) Thỏa thuận về thời hạn xử lý các giao dịch thanh toán, quyết toán;*

*đ) Phạm vi cung cấp dịch vụ;*

*e) Đối tượng khách hàng;*

*g) Địa điểm giao dịch;*

*h) Việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật;*

*i) Các nội dung về quyền và nghĩa vụ của các bên;*

*k) Trách nhiệm phối hợp xử lý tra soát, khiếu nại, tranh chấp rủi ro trong quá trình thực hiện, trong đó quy định cụ thể trách nhiệm của các bên trong việc tiếp nhận thông tin từ khách hàng, thời gian xử lý, trách nhiệm và phương án đền bù các tổn thất phát sinh (nếu có);*

*l) Quy định về phí thu hộ, chi hộ;*

*m) Hiệu lực của hợp đồng/văn bản thỏa thuận;*

*n) Các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.”*

5. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 19 như sau:

“Trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, *tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán”*

6. Bổ sung khoản 2a, khoản 2b Điều 19 như sau:

*“2a. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm thực hiện các biện pháp đảm bảo cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán được thông suốt, liên tục. Tổng thời gian gián đoạn cung ứng toàn bộ dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán trực tuyến không vượt quá 04 giờ/năm, thời gian gián đoạn cung ứng dịch vụ không vượt quá 30 phút/lần trừ trường hợp bất khả kháng hoặc bảo trì, nâng cấp hệ thống đã được thông báo trước 03 ngày.*

*2b. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 04 giờ khi phát hiện sự cố gây gián đoạn quá 30 phút hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán (bao gồm trường hợp bất khả kháng hoặc bảo trì, nâng cấp hệ thống đã được thông báo trước 03 ngày) theo Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành khắc phục sự cố, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm gửi báo cáo sự cố đầy đủ các nội dung theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.”*

7. Bổ sung khoản 3a, khoản 3b Điều 19 như sau:

*“3a. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ trong đó đảm bảo thể hiện đúng số hiệu tài khoản thanh toán, tên tài khoản thanh toán trong thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán của khách hàng khi thực hiện giao dịch thanh toán và hiển thị đầy đủ trên chứng từ thanh toán.*

*3b. Khi thực hiện dịch vụ ủy nhiệm chi, dịch vụ chuyển tiền qua tài khoản thanh toán hoặc không qua tài khoản thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ bên trả tiền có trách nhiệm cung cấp cho tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ bên thụ hưởng khi được yêu cầu các thông tin tối thiểu liên quan đến giao dịch, gồm:*

*a) Thông tin về bên trả tiền, gồm: Tên của bên trả tiền, số tài khoản thanh toán của bên trả tiền hoặc số tham chiếu giao dịch (khi không có tài khoản thanh toán), Địa chỉ đăng ký thường trú hoặc số định danh của bên trả tiền;*

*b) Thông tin về bên thụ hưởng, gồm: Tên của bên thụ hưởng, Số tài khoản thanh toán của bên thụ hưởng hoặc số tham chiếu giao dịch (khi không có tài khoản thanh toán).”*

**Điều 2. Thay thế một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Thông tư số 15/2024/TT-NHNN**

1. Thay thế các cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn”, “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố”, “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực (Ngân hàng Nhà nước Khu vực)” tại khoản 5, Điều 6;khoản 2, Điều 7; khoản 2 và khoản 3 Điều 23; Phụ lục số 01; Phụ lục số 02.

2. Thay thế cụm từ “Cơ quan thực hiện chức năng phòng, chống rửa tiền” bằng cụm từ “Cục Phòng, chống rửa tiền” tại điểm b(ii) khoản 1 và điểm b(ii) khoản 2 Điều 15.

3. Thay thế cụm từ “Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng” bằng cụm từ “Thanh tra Ngân hàng Nhà nước” tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 23.

4. Thay thế cụm từ “Chánh thanh tra, giám sát ngân hàng” thành “Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước” tại khoản 3 Điều 23.

**Điều 3.** **Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025

2. *Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán* báo cáo sự cố gián đoạn giao dịch theo Phụ lục số 05 tại Thông tư này thay thế cho Mẫu số 03 Phụ lục I tại Thông tư số 41/2024/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giám sát và thực hiện giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng, hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

**Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**- Như Điều 4;- Ban lãnh đạo NHNN;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);- Công báo;- Lưu: VP, Vụ PC, Vụ TT (5b). | **THỐNG ĐỐC** |